TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-8-2018
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Hải

+ Bà Nguyễn Thuỳ Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên toà: Kiểm sát viên không tham gia phiên toà.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 về việc "Kiện xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:15/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn X, xã Z, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn X, xã Z, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt lần thứ 2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng đăng ký kết hôn vào ngày 20/9/2017 tại UBND xã Hưng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian rất ngắn của hôn nhân, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, anh L thường xuyên ghen tuông vô cớ và đe doạ đánh đập, cho nên từ ngày 22/10/2017 vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị T khai nhận vợ chồng chưa có con chung

- Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện chị T khai nhận, vợ chồng mới cưới nhau nên không có nợ chung. Về tài sản chung, khi cưới nhau hai bên nội, ngoại tặng cho hai vợ chồng tất cả 14,5 chỉ vàng 9999, trong đó có 6,5 chỉ vàng 9999 do bố mẹ đẻ của chị tặng. Do đó, chị yêu cầu Toà án giải quyết được chia phần tài sản chung do bố mẹ cho tặng hai vợ chồng là 6,5 chỉ vàng 9999 có giá trị 23.933.000 đồng. Nhưng tại phiên hoà giải ngày 07/6/2017 chị Tiến tự nguyện rút yêu cầu chia tài chung.

* Tại bản tự khai ngày 22/5/2018, các phiên hoà giải và trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn L trình bày:

Thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, con chung, nợ chung anh đều thừa nhận như chị Tiến trình bày. Tuy nhiên, về mâu thuẫn giữa vợ chồng theo anh L xuất phát từ chị T, bởi lẽ vợ chồng mới cưới nhau được hai tuần thì có xảy ra tranh cải và chị T đã bỏ nhà đi, anh đã nhiều lần liên lạc, khuyên nhủ chị T trở về cùng xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T có đơn xin ly hôn thì mong muốn của tôi là không đồng ý, nhưng trong trường hợp chị T vẫn cương quyết ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn.

- Về tài sản chung: Tại buổi hoà giải ngày 07/6/2017; 21/6/2018 anh L đều khai nhận vợ chồng có số tài sản chung là 15 chỉ vàng 9999, có giá trị 54.510.000 đồng do hai bên gia đình tặng cho vợ chồng khi cưới. Số vàng này anh L khai chỉ có hai vợ chồng biết, ngoài ra không ai hay biết về số vàng này. Sau khi bỏ đi cô T đã mang theo số vàng trên, nên yêu cầu Toà án chia đôi số vàng.

Tại phiên toà chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn cũng như ý kiến rút yêu cầu chia tài sản chung và khai nhận khi bỏ đi chị không mang theo bất cứ vật dụng cá nhân nào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị T có đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn L đã đến Toà án làm bản tự khai và tham gia các phiên hoà giải vào các ngày 07/6/2018 và ngày 21/6/2018 (BL: 28-33) đồng thời anh L cũng đã tạm nộp án phí về yêu cầu phân chia tài sản chung (BL: 33). Ngày 18/7/2018, Tòa án mở phiên tòa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 25/6/2018, tuy nhiên bị đơn anh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2018, đồng thời ấn định thời

gian mở lại phiên tòa vào ngày 07/8/2018 và tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh Luật tiếp tục vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX nhận thấy: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn L đăng ký kết hôn vào ngày 20/9/2017, tại UBND xã Hưng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Do đó, việc kết hôn của các đương sự là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Theo lời khai của các bên đương sự thì đời sống hôn nhân, quá trình sống chung của vợ chồng tồn tại trong thời gian rất ngắn. Nguyên nhân xuất phát từ việc cải vã nhau do anh L thường ghen tuông vô cớ và đe doạ đánh đập nên chị Tiến đã bỏ đi từ ngày 22/10/2017 cho đến nay. Mặc dù anh L đã nhiều lần liên lạc khuyên bảo chị T quay về cùng xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành nên vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn ai quan tâm, bỏ mặc nhau. Qua các buổi hoà giải, anh L không mong muốn ly hôn nhưng trong trường hợp chị T vẫn cương quyết ly hôn thì anh L cũng đồng ý.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa các đương sự không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không quan tâm, bỏ mặc nhau, đời sống chung của vợ chồng trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T xử cho các đương sự được ly hôn nhau là phù hợp với các quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Các bên đương sự thừa nhận không có con chung nên HĐXX xem xét không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết các bên đương sự đều khai nhận không có nợ chung. Riêng về phần tài sản chung, qua xem xét yêu cầu của các bên đương sự và các tài liệu chứng do các bên đương sự cung cấp trong việc yêu cầu phân chia tài sản chung, HĐXX nhận định như sau:

- Đối với yêu cầu của chị T về chia tài sản chung là 6,5 chỉ vàng 9999 có giá trị tương đương 23.933.000 đồng *(Hai mươi ba triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng)* trong quá trình giải quyết vụ án chị Tiến đã tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Văn L về chia đôi khối tài sản chung là 15 chỉ vàng 9999, có tổng giá trị 54.510.000 đồng, tương đương theo phần của anh là 27.255.000 đồng. Mặc dù có yêu cầu chia tài sản chung, nhưng anh L không cung cấp được chứng cứ để chứng minh về số tài sản chung trên và anh thừa nhận số vàng này chỉ có vợ chồng biết, ngoài ra không ai biết sự việc này và khai rằng chị T đã lấy hết khi bỏ đi. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và

tại phiên toà chị T đều khẳng định, khi bỏ đi chị không lấy bất cứ tài sản gì, kể cả áo quần và vật dụng cá nhân, việc anh L cho rằng chị đã lấy số vàng trên là không có căn cứ. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng anh L có yêu cầu chia tài sản chung nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình theo quy định tại các Điều 91, 93 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, yêu cầu của anh L không có cơ sở, nên không được HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5.2] Về án phí dân sự:

- Chị T rút yêu cầu chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét giải quyết và trả lại số tiền tạm ứng án phí còn thừa cho chị Tiến sau khi đã trừ đi nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

- Yêu cầu chia sản chung của anh L không được chấp nhận nên buộc anh Nguyễn Văn L phải chịu nộp án phí về chia tài sản chung là 1.362.000 đồng, nhưng được trừ số tiền 681.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số AA/2017 0002834, ngày 07/6/2018 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Số tiền án phí dân sự còn lại anh L còn phải nộp là 681.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ Luật dân sự 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn L.

2. Về quan hệ con chung: Không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết

3. Về tài sản chung:

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn L về chia đôi tài sản chung là 15 chỉ vàng 9999, có tổng giá trị 54.510.000 đồng *(Năm mươi bốn triệu năm trăm mười nghìn đồng)*, tương đương theo phần của anh L là 27.255.000 đồng *(Hai mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn)*

4. Án phí:

4.1 Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 898.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/ 0002792 ngày 27/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố

Trạch, tỉnh Quảng Bình. Trả lại cho chị Trần Thị T số tiền 598.000 đồng *(Năm trăm chín mươi tám nghìn đồng)* tạm ứng án phí còn thừa.

4.2. Án phí dân sự:

- Buộc anh Nguyễn Văn L phải chịu nộp số tiền 1.362.000 đồng *(Một triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng)* án phí dân sự về yêu cầu chia tài sản chung không được chấp nhận. Nhưng anh L được trừ đi số tiền 681.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số AA/2017 0002834, ngày 07/6/2018 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Buộc anh Nguyễn Văn L phải nộp tiếp số tiền 681.000 đồng *(Sáu trăm tám mươi mốt nghìn đồng)* án phí dân sự còn thiếu.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai; Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên toà biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án của Tòa án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Trong trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã H, B, QB;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Trần Trung Thành